

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH-  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2020

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ong**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Bà Huỳnh Phương Lan**

**2. Ông Nguyễn Văn Kiệt**

**- Th<sup>□</sup> ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán— Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên **tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều**- Kiểm sát viên.**

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thanh N**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

(Có mặt tại phiên tòa)

**2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X (Tên gọi khác là S, C)**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020 của nguyên đơn Phan Thị Thanh N, bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai bị đơn Nguyễn Văn X (S, C), vụ án có nội dung nh- sau:

Vào năm 1985, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đ- ọc sự đồng ý của gia đình hai bên, bà Phan Thị Thanh N cùng ông Nguyễn Văn X (S, C) tổ chức lễ c- ới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, bà Phan Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn X có được 03 người con chung là Nguyễn Phước L, sinh ngày 19/02/1986, Nguyễn Châu L, sinh năm 1990 và Nguyễn Phước L, sinh ngày 30/01/1992; không có tài sản chung; không có nợ chung. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông X hạnh phúc,

nhưng thời gian gần đây thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên ông, bà đã ly thân 07 năm nay.

Bà Phan Thị Thanh N yêu cầu đ-ợc ly hôn với ông Nguyễn Văn X, ông X đồng ý với yêu cầu này của bà N; bà N và ông X không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung giữa bà N và ông X.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị Thanh N vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

□ kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh N; không xem xét về con chung, tài sản chung và nợ chung giữa bà Phan Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn X do các đương sự không yêu cầu.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 1985, bà Phan Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn X (S, C) thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 02/3/2020, bà Phan Thị Thanh N có đơn khởi kiện yêu cầu đ-ợc ly hôn với ông Nguyễn Văn X; ông Nguyễn Văn X có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K. Đây là tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ngày 24/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang đã phân công Kiểm sát viên Trần Thị Tuyết Minh tham gia phiên tòa theo Quyết định số 175/QĐ-VKS-DS (BL 21). Do Kiểm sát viên Trần Thị Tuyết Minh bận công tác đột xuất, không thể tham gia phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang đã phân công Kiểm sát viên Phạm Thị Thúy Kiều tham gia phiên tòa thay Kiểm sát viên Trần Thị Tuyết Minh theo Quyết định số 11/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 03/9/2020 (BL 32), nên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa hôm nay là bà Phạm Thị Thúy Kiều.

Về việc vắng mặt ông Nguyễn Văn X tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/9/2020 cho ông Nguyễn Văn X theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn Văn X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/8/2020 (BL 25), đ-ợc sự thống nhất của vị đại diện Viện kiểm sát và bà Phan Thị Thanh N, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn X theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh N:

2.1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn X (S, C) tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1985, có tổ chức lễ c- ới nh- ng không có đăng ký kết hôn.

Xét rằng: Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì vào năm 1985, bà Phan Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn X (S, C) đều đáp ứng đủ về điều kiện kết hôn. Căn cứ vào điểm a mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì hôn nhân giữa bà N và ông X là hôn nhân thực tế. Bà Phan Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn X đã có thời gian ly thân dài, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn X không hợp tác- chứng tỏ ông Nguyễn Văn X không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà Phan Thị Thanh N. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa bà Phan Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Thanh N đối với ông Nguyễn Văn X theo quy định tại các Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Thanh Nga.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Bà Phan Thị Thanh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm bà Phan Thị Thanh N phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Phan Thị Thanh N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002264, ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Phan Thị Thanh N không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn X không phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; **các Điều 9, 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;** điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

**Xử:**

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn X (S, C).

2- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

3- Về án phí: Bà Phan Thị Thanh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm bà Phan Thị Thanh N phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Phan Thị Thanh N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002264, ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Phan Thị Thanh N không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn X không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2020), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu H- ơng**